TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/11/2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Được

Ông Nguyễn Trung Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh***: Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 340/2019/ TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 9 năm 2019 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 25/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/QĐST –HNGĐ ngày 11/11/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Ngọc H, sinh năm 1985. Có mặt

Địa chỉ: Ấp S, xã Th, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Kim Thanh Đ, sinh năm 1978. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp S, xã Th, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Thạch Thị Ngọc H trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2005 chị và anh Kim Thanh Đ xác lập quan hệ hôn nhân nhưng đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng về cách ứng xử, giao tiếp, về kinh tế gia đình, anh Đ không lo làm ăn, vợ chồng thường hay cự cải với nhau, đời sống chung không còn hạnh phúc nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018. Vào tháng 8/2018 chị có làm đơn yêu cầu xin ly hôn

với anh Đ nhưng Tòa án xử bác yêu cầu xin ly hôn của chị. Nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh Kim Thanh Đ.

- *Về con chung:* Có 02 con tên Kim Chấn H, sinh ngày 06/7/2006 và Kim Huy H1 sinh ngày 06/8/2009 chị H đang nuôi dưỡng chị yêu cầu được tiếp tục nuôi và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi 02 con.

- *Về tài sản chung:* Chị H không khởi kiện, không tranh chấp và không đặt ra yêu cầu giải quyết.

- *Về số nợ phải thu, phải trả:* Chị H không đặt ra yêu cầu giải quyết

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Kim Thanh Đa vắng mặt lần thứ hai nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định theo Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh Đ; Về con chung: Chị H được tiếp tục nuôi dưỡng hai con tên Kim Chấn H, sinh ngày 06/7/2006 và Kim Huy H1, sinh ngày 06/8/2009 theo nguyện vọng của 02 cháu; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét .

Về án phí: Chị Thạch Thị Ngọc H là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên chị Hận được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Phần kiến nghị: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Kim Thanh Đ đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung nên Tòa án thụ lý theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm giải quyền quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân*: Chị H và anh Đ xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị H và anh Đ là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay chị H cương quyết ly hôn với anh Đ, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được do giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẩn và ly thân từ tháng 4 năm 2018. Chị H có làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ nhưng Tòa án xử bác yêu cầu xin ly hôn của chị và từ đó cho đến nay thì giữa vợ chồng chị vẫn sống ly thân và không còn quan tâm nhau.

Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tạo điều kiện cho chị H và anh Đ hàn gắn, nhưng anh Đ vẫn cố tình vắng mặt thể hiện anh Đ không có thiện chí hàn gắn. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[4] *Về con chung:* Chị H và anh Đ có 02 con chung tên Kim Chấn H, sinh ngày 06/7/2006 và Kim Huy H1, sinh ngày 06/8/2009. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị H là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và đảm bảo phát triển về mọi mặt của con, hơn nửa cháu H và cháu H1 có cũng có nguyện vọng sống chung với chị H nên chấp nhận để chị H được tiếp tục nuôi hai con chung theo nguyện vọng của cháu H và cháu H1 là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

[6] *Về tài sản và nợ phải thu, phải trả*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

[7] *Về án phí*: Chị Thạch Thị Ngọc H là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí. Căn cứ Điều 12, 14, 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị H được miễn toàn bộ án phí.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch Thị Ngọc H được ly hôn với anh Kim Thanh Đ.

2. Về con chung: Chị Thạch Thị Ngọc H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Kim Chấn H, sinh ngày 06/7/2006 và Kim Huy H1, sinh ngày 06/8/2009 theo nguyện vọng của cháu H và cháu H1.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

4. Về tài sản và nợ phải thu, phải trả: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Thạch Thị Ngọc H được miễn nộp toàn bộ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Mai

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã Th;
- Lưu hồ sơ vụ án.